

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 04/2025/HS-ST
Ngày 17 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Võ Hùng Em;
Bà Đặng Thị Nguyên Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hữu Có, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử phiên tòa sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HS ngày 20/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 03/01/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; nơi thường trú: Khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Đ1, sinh năm 1961 và bà Lê Thị R, sinh năm 1961; có vợ Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2021, bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở nghiện tỉnh Đồng Tháp, thời hạn 12 tháng.; Bị bắt tạm giam ngày 12/10/2024, có mặt.

Bị hại:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, vắng mặt.

Chu Văn K, sinh năm 1973, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Võ Thị D, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1972, địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Đinh Văn L, sinh năm 1980, địa chỉ: Khóm E, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng: Nguyễn Văn Cảnh E, sinh năm 1987; Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Thành Đ nảy sinh ý định trộm tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, trong hai ngày 30/6/2024 và 01/7/2024, Được đã trộm tài sản như sau:

Lần 1: Vào khoảng 23 giờ ngày 29/6/2024, Được điều khiển xe mô tô biển số 69N1-760.80, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ-đen, đi từ hướng thị trấn T đến xã P, huyện T, khi đi Được mang theo 01 cái túi (giỏ) nhựa bên trong chứa nhiều dụng cụ dùng để thực hiện hành vi trộm. Đến khoảng 00 giờ ngày 30/6/2024, khi đến địa phận thuộc ấp K, xã P, phát hiện 01 máy trộn bê tông không ai trông coi nên Được dùng kim cắt đứt 02 bu lông (ốc) dùng để cố định motor (mô tua) vào máy trộn bê tông, lấy mô tua để xe, chạy về nhà trọ cất giấu. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Được đem mô tua trên bán cho một người phụ nữ khoảng 40 tuổi (không biết họ, tên, địa chỉ) đang đẩy xe mua phế liệu trên đường với giá 300.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản: 01 M (mô tua), loại 2.0HP, không rõ nhãn hiệu, giá trị định giá 1.650.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 00 giờ, ngày 01/7/2024 khi đến địa phận ấp K, xã P phát hiện 01 máy trộn bê tông, đang để ở cặp lộ nhựa ĐT843 không ai trông coi nên Được dừng xe lại, đi đến máy trộn bê tông, dùng chìa khóa vặn ốc lấy 01 mô tua để vào túi nhựa để ở ba ga xe và rời đi khỏi hiện trường.

Lần 3: Sau khi thực hiện vụ trộm thứ hai xong, Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/7/2024, Được tiếp tục điều khiển xe chạy về hướng ấp K, xã P, huyện T, khi đến nhà của anh Chu Văn K, ngụ ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (sau này Được mới biết tên), phát hiện một máy trộn bê tông để cặp lộ nhựa ĐT843 không ai trông coi nên Được dùng kim cộng lực mang theo cắt 02 con ốc gắn trên bệ đỡ của máy trộn bê tông để lấy mô tua, cắt xong, Được dùng tay bê mô tua định để lên xe tẩu thoát thì bị anh Nguyễn Văn C Em (sau này Được mới biết tên) phát hiện và truy hỏi người dân hỗ trợ bắt giữ giao Cơ quan Công an xử lý cùng tang vật.

Kết luận định giá tài sản: 01 M (mô tua), loại 2.0HP, nhãn hiệu TOAN PHAT, giá trị định giá 2.260.000 đồng; 01 Motor, loại 2.0HP, không rõ nhãn hiệu, giá trị định giá 2.120.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ của vụ án gồm:

+ Vật chứng thu giữ đã xử lý: đã thu giữ và trao trả cho chủ sở hữu Nguyễn Văn C 01 Motor, loại 2.0HP, nhãn hiệu TOAN PHAT xong; 01 Motor, loại 2.0HP, không rõ nhãn hiệu cho Chu Văn K xong.

+ Vật chứng thu giữ chưa xử lý: 01 xe mô tô, biển số 69N1-760.80; 02 chìa khóa vòng loại 17mm; 01 cây kéo; 01 chìa khóa vòng một đầu 17mm, một đầu 19mm; 01 kim cộng lực; 01 túi nhựa; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 nón bảo hiểm; 01 đèn pin; 01 áo khoác dài tay; 01 quần thể dục.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá và thu giữ tài sản nêu trên.

- Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-TN ngày 20/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp truy tố Nguyễn Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ: 09 -12 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại C và K không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Riêng đối với yêu cầu của bà Võ Thị D1, bị can đã thực hiện xong.

+ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 02 chìa khóa (dụng cụ dùng để mở ổ, vít) loại 17mm (chìa khóa 17), đã qua sử dụng; 01 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, vàng, đã qua sử dụng; 01 chìa khóa loại khóa vòng, một đầu 17mm (khóa vòng 17); một đầu 19mm (khóa vòng 19), đầu 19 có được hàn cố định một thanh kim loại mài đen hình nhọn và đẹp, đã qua sử dụng; 01 kìm cộng lực, phần lưỡi kìm có số 450, đã qua sử dụng; 01 túi nhựa màu đỏ đen, đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu xanh dương, đã qua sử dụng; 01 đèn pin, màu vàng, trên thân có chữ số PL-A8, đã qua sử dụng; 01 áo khoác dài tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01 quần thể dục, loại quần thun, màu đen, đã qua sử dụng; tất cả các dụng cụ trên bị can dùng và mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và không còn giá trị sử dụng.

Trả lại điện thoại, nhãn hiệu OPPO, màu đen, điện thoại bị nứt, đã qua sử dụng cho Được, do không liên quan đến việc phạm tội.

Trả lại xe mô tô 69N1-760.80 cho ông Đinh Văn L, do không liên quan đến việc phạm tội.

Bà Nguyễn Thị Hoàng O (mẹ vợ Đ) không biết việc Đ mượn xe để thực hiện hành vi trộm và cũng không biết Được đem tài sản trộm về phòng trọ cất giấu, nên không có cơ sở xử lý về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với người phụ nữ thu mua phế liệu mua mô tua của Được bán vào ngày 30/6/2024 do Được trình bày không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không làm việc được nên không có cơ sở xử lý đối với người phụ nữ trên.

- Lời nói sau cùng của bị cáo, thống nhất tội danh và hình phạt theo Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận toàn bộ hành vi đúng như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo Đ thừa nhận vì muốn có tiền tiêu sài mà bị cáo đã lén lút nhiều lần lấy trộm mô tua của máy trộn bê tông. Xét thấy sự thừa nhận này của bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan của vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản trị giá 4.380.000 đồng (02 lần định lượng đều trên 2.000.000đ). Do đó Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, nên cần thiết phải xử lý để có tác dụng giáo dục, phòng ngừa và răn đe tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện nhiều lần phạm tội, nên cần áp dụng các điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xem xét xử lý tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại Do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Về hình phạt bổ sung, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội của bị cáo, nghĩ cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: căn cứ các khoản 2,3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các vật chứng đã trả, tại phiên tòa không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xử lý.

Đối với: các chìa khóa (gờ lê), kim cộng lực, kéo, đèn pin, túi nhựa, là công cụ bị cáo chuẩn bị và dùng vào việc phạm tội, không có giá trị, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với: 01 nón bảo hiểm; 01 áo khoác dài tay; 01 quần thể dục; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO (tất cả đều đã qua sử dụng), là các vật dùng vào việc cá nhân của bị cáo, không chứng minh được liên quan đến việc phạm tội, nên cần giao trả cho bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển số 69N1 - 760.80 là của anh Đinh Chí T1. Theo lời khai của ông L tại phiên tòa thì T1 là cháu của ông, giao xe để gán nợ, ông sử dụng, sau đó ông đưa xe trên cho bà Nguyễn Thị Hoàng O (mẹ vợ Được) quản lý sử dụng để bán bánh mì và bánh tráng trộn. Bà O cho là khi cho mượn cũng không biết Đ dùng vào việc phạm tội. Theo Biên bản xác minh ngày 22/9/2024 tại Công an xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau thể hiện Đinh Chí T1 có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện không có mặt tại nơi ở, đi đâu làm gì không rõ. Quá trình sinh sống tại địa phương, T1 không trình báo mất trộm và Công an xã cũng không tiếp nhận thông tin mất trộm từ T1. Do đó có cơ sở xác định ông L là người chiếm hữu hợp pháp xe nêu trên, nên cần giao trả là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 12/10/2024).

- *Về xử lý vật chứng*: căn cứ các khoản 2,3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 chìa khóa (gờ lê) loại 17mm (chìa khóa 17); 01 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, vàng; 01 chìa khóa (gờ lê) loại khóa vòng, một đầu 17mm (khóa vòng 17); một đầu 19mm (khóa vòng 19), đầu 19 có được hàn cố định một thanh kim loại mài đen hình nhọn và đẹp; 01 kim cộng lực, phần lưỡi kim có số 450; 01 túi nhựa màu đỏ đen; 01 đèn pin, màu vàng, trên thân có chữ số PL-A8 (tất cả đã qua sử dụng).

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thành Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen (điện thoại bị nứt); 01 nón bảo hiểm màu xanh dương; 01 áo khoác dài tay, màu đen; 01 quần thể dục, loại quần thun, màu đen (tất cả đã qua sử dụng).

- Trả cho ông Đinh Văn L: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển số 69N1 - 760.80, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Hiện CCTHADS huyện T đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 02/QĐ-VKSTN ngày 20/12/2024).

- *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các Điều 12, 14, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CSĐT CA huyện Tam Nông;
- THA HS CA huyện Tam Nông;
- CC THA DS huyện Tam Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa